

Bản án: 192 /2021/HS-ST

Ngày: 21/12/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Bá Võ

Bà Hoàng Thị Hường

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Cẩm Nhung - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà:
Ông Lương Đình Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 181/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2021/QĐXXST-HS ngày 09/12/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Vy Thị N; tên gọi khác: Vi Thị N; Sinh ngày: 07/5/1980 tại huyện Tương D, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: bản Xiềng Líp, xã Yên H, huyện Tương D, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Làm rẫy; con ông Vi Nhật T, sinh năm 1958 và bà Lô Thị K, sinh năm 1964; Chồng: Phùng Văn H, đã chết; Con: có 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 28/7/2011, bị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 04 năm tù về tội “Chứa mại dâm” tại bản án HSPT số 104/HSPT. Đã chấp Hành xong.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/7/2021 đến nay, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An. Có mặt

2. Họ và tên: Lô Thị Xu H; tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 08/5/1974 tại huyện Tương D, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: bản Xiềng Nứa, xã Yên Na, huyện Tương D, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Làm rẫy; con ông Lô Minh K, sinh năm 1937 và bà Lương Thị L, sinh năm 1940; Chồng: Lương văn H, sinh năm 1967; Con: có 02 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/7/2021 đến nay, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An. Có mặt

- *Trợ giúp viên pháp lý cho các bị cáo:* Bà Trần Thị Thu Huyền. Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý NH nước tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Bị hại:* Chị Lô Thị N, sinh năm 1982; Địa chỉ: bản Pa Tý, xã Yên Tĩnh, huyện Tương D, tỉnh Nghệ An. (Có đơn xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư Tạ Ngọc Vân, Văn phòng luật sư Tạ Vân và Cộng sự - Đoàn Luật sư tHành phố H Nội. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Lô Văn T, sinh năm 1993; Địa chỉ: bản Na Pu, xã Yên Na, huyện Tương D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

+ Anh Lô Văn Đ, sinh năm 1985; Địa chỉ: bản Mon, thị trấn Thạch Giám, huyện Tương D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng tháng 9 năm 2014, Vy Thị N (thời gian đó Vy Thị N, sinh năm 1980, trú tại bản Xiềng Líp, xã Yên H, huyện Tương D, đang làm ăn ở Trung Quốc) gọi điện cho Lô Thị Xu H sinh năm 1974 trú tại bản Xiềng Nứa, xã Yên Na, huyện Tương D, tỉnh Nghệ An, rủ đi tìm người đưa sang Trung Quốc cho Vy Thị N bán cho người Trung Quốc lấy làm vợ, N thỏa thuận cứ một người H tìm được đưa sang Trung Quốc cho N bán thì N trả cho 20 triệu đồng, H đồng ý. Vào khoảng tháng 10 năm 2014, H gặp Lô Thị N sinh năm 1982 trú tại bản Pa Tý, xã Yên Tĩnh, huyện Tương D, tỉnh Nghệ An, H hỏi chị N “Có sang Trung Quốc làm ăn không, bên đó lương cao lắm”, chị N không nói gì. Sau đó, H hỏi tiếp “có đi Trung Quốc lấy chồng không?”, do không có việc làm, điều kiện kinh tế khó khăn nên chị N đồng ý. Sau khi tìm được người, H gọi điện cho Vy Thị N nói đã tìm được người để đưa sang Trung Quốc bán, N nói H đưa người ra Mong Cái, Quảng Ninh, N sẽ cho người đón đưa sang Trung Quốc, nhưng H nói không đi được mà nói sẽ nói chị N đi đón xe ra Móng Cái, Quảng Ninh sẽ gọi cho Vy Thị N. Ngày 18/10/2014, H đưa cho chị N vay 2 triệu đồng và cho số điện thoại của N để chị N đi xe khách ra Móng Cái, Quảng Ninh. Ngày 19/10/2014, chị N đón xe đi ra Móng Cái, Quảng Ninh rồi gọi điện cho N, N thuê người (không xác định được tên, tuổi, địa chỉ) đưa chị N sang Trung Quốc bằng đường tiểu ngạch. Sau đó, N đến đón chị N tại bến xe An Giáng, Trung Quốc đưa về nhà. Khoảng 5 ngày sau, N nói bố chồng người Trung Quốc gọi người Trung Quốc đến xem mặt và bán chị N cho người Trung Quốc lấy làm vợ (không xác định được tên, tuổi, địa chỉ) với giá 4 vạn nhân dân

tệ (tương đương 120.000.000 đồng). Sau khi lấy được tiền, bố chồng người Trung Quốc, đưa cho N 90.000.000 đồng, N gửi cho H 80.000.000 đồng, trong đó 20.000.000 đồng là tiền công của H, 60.000.000 đồng là tiền của Lô Thị N, còn 10.000.000 đồng N gửi về cho bà Lô Thị K (mẹ của N) để nuôi con cho N. Chị Lô Thị N, sau khi bị bán cho người đàn ông Trung Quốc lấy làm vợ được khoảng 06 tháng, chị N đã bỏ trốn trở về Việt Nam. Đến ngày 09/7/2021, chị N làm đơn tố sự việc trên đến cơ quan CSĐT Công an huyện Tương D.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 17 giờ 20 phút, ngày 05/7/2021 Lô Văn T, sinh năm 1993, trú tại bản Na Pu, xã Yên Na, huyện Tương D và Lô Văn Đ, sinh năm 1985, trú tại bản Mon, thị trấn Thạch Giám, huyện Tương D, rủ nhau chung tiền đến nhà Vy Thị N, sinh năm 1980, trú tại bản Xiềng Líp, xã Yên H, huyện Tương D, để mua chất ma túy về sử dụng. Khi đến nơi T góp 200.000 đồng, Đ góp 100.000 đồng, tổng là 300.000 đồng rồi đưa cho N nói bán cho 2 vịt, 1 gà (ý nói bán cho 2 gói Hêrôin, 1 viên ma túy hồng phiến). N đồng ý nhận tiền rồi đi vào nH lấy 2 gói Hêrôin, 1 viên ma túy hồng phiến đưa cho T. Lấy ma túy xong, T và Đ đi về và tìm nơi vắng vẻ thuộc bản Ho, xã Yên Hòa, huyện Tương D, tỉnh Nghệ An để sử dụng ma túy. Vào lúc 18 giờ 00 phút, ngày 05/7/2021 trong lúc Lô Văn T và Lô Văn Đ đang sử dụng chất ma túy thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Tương D bắt giữ. Thu giữ 02 tờ giấy gói Hêrôin Lô Văn T và Lô Văn Đ mua của Vy Thị N mới sử dụng xong.

Tại bản Kết luận giám định số 1118/KL-PC09(Đ2-MT) ngày 19/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An, kết luận: “Trên 02 (hai) mảnh giấy màu trắng thu giữ của Lô Văn Đ và Lô Văn T gửi tới giám định đều bám dính ma túy (Heroin)”.

Quá trình điều tra, Vy Thị N còn khai nhận vào ngày 03/7/2021, N còn bán ma túy cho Lô Văn T và Lô Văn Đ. Cụ thể: Vào hồi 14h10, ngày 03/7/2021, N bán T và Đ 1 viên ma túy hồng phiến với giá 80.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, N tiếp tục bán cho T và Đ 01 viên ma túy hồng phiến và 1 gói Hêrôin với giá 150.000 đồng. Các lần bán ma túy cho T và Đ đều tại nhà của N ở bản Xiềng Líp, xã Yên H, huyện Tương D.

Tại Cơ quan CSĐT Vy Thị N và Lô Thị Xu H đã khai nhận toàn bộ Hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

* Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ:

- 01 (một) điện thoại NOKIA số loại 1280, màu xanh của Lô Thị Xu H.
- 02 (hai) mảnh giấy màu trắng.

* Về Dân sự:

Trong quá trình điều tra, gia đình bị cáo Lô Thị Xu H đã tự nguyện khắc phục 20.000.000 đồng; Gia đình bị cáo Vy Thị N tự nguyện khắc phục 10.000.000 đồng cho người bị hại. Người bị hại không yêu cầu đền bù gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 212/CT/VKS-P2 ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát Nhân Dân tỉnh Nghệ An quyết định truy tố bị cáo Vy Thị N về các tội “Mua bán người” và “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm đ khoản 2 Điều 119 BLHS 1999 và khoản 1 Điều 251 BLHS. Truy tố bị cáo Lô Thị Xu H về tội “Mua bán người” theo điểm đ khoản 2 Điều 119 BLHS 1999.

Tại phiên tòa bị cáo N và H thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 119 BLHS 1999; điểm b khoản 2 Điều 251; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vy Thị N từ 4- 5 năm tù về tội “Mua bán người”; từ 3- 4 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 07 - 09 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/7/2021. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 119 BLHS 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lô Thị Xu H từ 03 - 04 năm tù về tội “Mua bán người”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/7/2021. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Về vật chứng: Điện thoại là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước. Những đồ vật không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Người bào chữa cho các bị cáo Vy Thị N và Lô Thị Xu H không tranh luận về chứng cứ, tội danh, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt mức án cho các bị cáo thấp hơn đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An.

Các bị cáo Vy Thị N và Lô Thị Xu H đồng ý với quan điểm của người bào chữa, không tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại trình bày ý kiến:

Về tội danh và hình phạt: Đồng ý quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo với lý do người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, giữa các bị cáo và người bị hại đều có quan hệ họ hàng, các bị cáo đã bồi thường đầy đủ theo yêu cầu của người bị hại.

Về dân sự: Không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm.

Các bị cáo Vy Thị N và Lô Thị Xu H nói lời sau cùng: Xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các quyết định và Hành vi tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, bị hại không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Vy Thị N và Lô Thị Xu H khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ căn cứ kết luận: Do muốn có tiền để tiêu xài, nên Vy Thị N và Lô Thị Xu H bàn nhau tìm người đưa sang Trung Quốc bán. Vào khoảng giữa tháng 10 năm 2014, sau khi biết được chị Lô Thị N, sinh năm 1982 trú tại bản Pa Tý, xã Yên Tĩnh, huyện Tương D, tỉnh Nghệ An, có ý định muốn đi tìm việc làm, nên H rủ chị N sang Trung Quốc lấy chồng thì sẽ có tiền. Sau khi chị N đồng ý, H đưa số điện thoại của N (hiện đang ở Trung Quốc) cho chị N liên lạc và tự bắt xe khách đi ra Móng Cái, Quảng Ninh. Ngày 18/10/2014, chị N bắt xe ra đến Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, thì N thuê người đưa chị N sang Trung Quốc bằng đường tiểu ngạch. N đón chị N tại bến xe An Giáng, Trung Quốc rồi đưa về nhà mình và nhờ bố chồng (người Trung Quốc) bán chị N cho một người đàn ông Trung Quốc lấy làm vợ với giá 4 vạn nhân dân tệ tương đương 120.000.000 đồng. Sau khi lấy được tiền, bố chồng đưa cho N 90.000.000 đồng, N gửi cho H 80.000.000 đồng, trong đó 20.000.000 đồng là tiền công của H, 60.000.000 đồng là tiền của Lô Thị N, còn 10.000.000 đồng N gửi về cho bà Lô Thị K (mẹ của N) để nuôi con cho N. Do đó, Cáo trạng truy tố các bị cáo về tội "Mua bán người" theo điểm đ khoản 2 Điều 119 BLHS 1999 là có căn cứ, đúng người đúng tội.

Ngày 05/7/2021, tại nhà của N ở bản Xiềng Líp, xã Yên H, huyện Tương D, N bán cho T và Đ 02 gói heroin, 01 viên ma túy hồng phiến với giá 300.000 đồng, khi T và Đ đang sử dụng ma túy thì bị Công an huyện Tương D bắt giữ. Quá trình điều tra Vy Thị N khai nhận vào khoảng 14h ngày 03/7/2021 tại nhà riêng của mình, N bán cho T và Đ 01 viên hồng phiến với giá 80.000đ, đến 17h cùng ngày N tiếp tục bán cho T và Đ 01 viên hồng phiến và 01 gói Hê rô in giá 50.000đ, toàn bộ khối lượng ma túy bán cho T và Đ theo bị cáo N khai đều mua của người đàn ông người Mẹo về chia nhỏ ra bán cho T và Đ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo N khai nhận tội phù hợp lời khai người liên quan Lô Văn T và Lô Văn Đ đủ căn cứ xác định bị cáo N có Hành vi bán trái phép chất ma túy cho T và Đ 03 lần bán ma túy tại nhà riêng của bị cáo N. Cụ thể ngày 03/7/2021 bán 02 lần và ngày 05/7/2021 bán 01 lần. Như vậy Hành vi phạm tội của bị cáo Vy Thị N thuộc trường hợp định khung với tình tiết "Phạm tội 02 lần trở lên" được quy định tại **điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS. Do đó, Cáo trạng truy tố bị cáo N theo khoản 1 Điều 251 BLHS là bỏ sót hành vi phạm tội của bị cáo N. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 298 BLTTHS xử phạt bị cáo Vy Thị N theo khoản 2 Điều 251 BLHS.**

[3] Xét Hành vi, tính chất vụ án: Vy Thị N, Lô Thị Xu H là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện Hành vi phạm tội với lỗi cố ý, nhằm mục đích vụ lợi. Hành vi phạm tội của các bị cáo Vy Thị N và Lô Thị Xu H đã coi con người như một hàng hóa để mua, bán, trao đổi nhằm mục đích kiếm lợi, xâm phạm nghiêm trọng đến nhân phẩm, danh dự, quyền tự do, quyền con người được pháp luật bảo vệ, các bị cáo đã bất chấp truyền thống đạo lý tốt đẹp của dân tộc, gây bất bình, phẫn nộ, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong nhân dân. Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm minh đối với các bị cáo.

Đối với Hành vi mua bán trái phép chất ma túy thấy rằng bị cáo Vy Thị N nhận thức được tác hại của chất ma túy, biết Nhà nước cấm mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy nhưng do hám lợi bị cáo bán ma túy nhiều lần cho T và Đ để kiếm lợi nên cần xử lý nghiêm khắc đối với hành vi này.

[4] Xét vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này các bị cáo Vy Thị N và Lô Thị Xu H là đồng phạm, bị cáo Vy Thị N có vai trò chủ mưu, là người khởi xướng và cũng là người trực tiếp bán bị hại cho người Trung Quốc lấy làm vợ; bị cáo Lô Thị Xu H là người thực hành tích cực. Do đó, cần xử phạt bị cáo N mức án cao hơn bị cáo H.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Bị cáo Vy Thị N: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Gia đình đã tự nguyện khắc phục 10.000.000 đồng cho người bị hại và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự. Đối với tội "Mua bán ma túy" bị cáo khai báo thành khẩn, tự thú hành vi phạm tội trước đó nên cần áp dụng điểm s,r khoản 1 Điều 51 BLHS. Do đó, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật áp dụng Điều 54 BLHS để xử phạt dưới khung hình phạt cho bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Bị cáo Lô Thị Xu H: Trong quá trình điều tra, truy tố bị can đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Gia đình đã tự nguyện khắc phục 20.000.000 đồng cho người bị hại và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; Sau khi phạm tội đã ra đầu thú, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Căn cứ nhận định trên, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội đồng thời răn đe, phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có thu nhập ổn định, nếu áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền sẽ dẫn tới khó khăn trong công tác thi hành án. Do đó, cần miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra người bị hại chị Lô Thị N yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền các bị cáo được hưởng lợi từ việc thực hiện hành vi phạm tội. Cụ thể yêu cầu bị cáo N bồi thường 10.000.000đ; bị cáo H bồi thường 20.000.000đ. Các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường theo yêu cầu của người bị hại, người bị hại không yêu cầu bồi thường thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền thu lợi bất chính bị cáo N 10.000.000đ và bị cáo H 20.000.000đ số tiền này các bị cáo thu được từ việc bán người bị hại và người bị hại đã yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền này cho người bị hại và các bị cáo đã bồi thường cho người bị hại số tiền được hưởng lợi từ việc bán người bị hại nên miễn truy thu số tiền này.

[7] Về vật chứng: Điện thoại thu giữ của bị cáo Lô Thị Xu H liên quan đến Hành vi phạm tội của bị cáo cần trả lại cho bị cáo. Đối 02 mảnh giấy bạc màu trắng thu giữ tại Lô Văn Đ và Lô Văn T không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Quá trình điều tra bị cáo N khai nhận số ma túy bán cho T và Đ là mua của một người Mẹo ở xã Yên Tĩnh, huyện Tương D, tỉnh Nghệ An nhưng không biết rõ lai lịch địa chỉ do đó không có căn cứ để giải quyết trong vụ án.

Đối với Lô Văn T và Lô Văn Đ có hành vi mua ma túy để sử dụng, chưa đủ điều kiện cấu thành tội phạm, Công an huyện Tương D đã chuyển hồ sơ cho chính quyền địa phương nơi cư trú để đề nghị lập hồ sơ đi cai nghiện bắt buộc.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119 BLHS 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Vy Thị N 04 (Bốn) năm tù về tội “Mua bán người”

Áp dụng khoản 2 Điều 298 BLTTHS, điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s, r khoản 1 Điều 51, Điều 54 BLHS Xử phạt bị cáo Vy Thị N 04 (Bốn) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"

Áp dụng Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt cả 02 tội buộc bị cáo Vy Thị N phải chấp hành hình phạt chung là 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt, tạm giam ngày 07/7/2021.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119 BLHS 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lô Thị Xu H 03 (Ba) năm tù về tội “Mua bán người”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt, tạm giam ngày 07/7/2021.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo Vy Thị N và Lô Thị Xu H.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu hóa giá sung ngân sách NH nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu xanh cho bị cáo Lô Thị Xu H.

- Tịch thu tiêu hủy 02 mảnh giấy gói Hê rô in.

Chi tiết các vật chứng theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 05/11/2021 tại Cục thi hành án tỉnh Nghệ An.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Vy Thị N và Lô Thị Xu H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các bị cáo có quyền kháng cáo bản án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án lên Toà án nhân dân cấp cao tại H Nội trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại H Nội;
- VKSND Cấp Cao tại H Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Công an tỉnh Nghệ An;
- Cục THA tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Người TGT;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hải Minh